

Trong đó:

- Thu từ nguồn bổ sung cân đối ngân sách: 53.623 triệu đồng
- Thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 24.200 triệu đồng
- c) Thu quản lý qua KBNN: 1.200 triệu đồng

2. Về chi ngân sách địa phương: Tổng chi NSDP: 155.043 triệu đồng

Trong đó:

- a) Chi cân đối qua ngân sách địa phương: 129.643 triệu đồng
- b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh: 24.200 triệu đồng
- c) Chi từ nguồn thu để lại quản lý qua KBNN: 1.200 triệu đồng

3. Phân bổ dự toán ngân sách địa phương:

- a) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách thị xã: 135.631 triệu đồng
 - Chi đầu tư phát triển: 74.000 triệu đồng
 - Chi thường xuyên: 60.640 triệu đồng
 - Chi dự phòng: 991 triệu đồng
- b) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách xã, phường: 18.212 triệu đồng

Trong đó:

- Bổ sung trợ cấp cân đối từ ngân sách thị xã: 6.650 triệu đồng
- c) Chi quản lý qua KBNN: 1.200 triệu đồng

Điều 2. Các giải pháp chủ yếu:

1. Về công tác quản lý thu ngân sách:

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý thu đối với tất cả khoản thu, sắc thuế, từng địa bàn, từng đối tượng nộp thuế; nhằm tính đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu cho ngân sách Nhà nước. Đẩy mạnh công tác cải cách hệ thống quản lý thu, phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng, chính quyền các cấp, các ngành hữu quan, quản lý chặt chẽ nguồn thu trong tất cả các lĩnh vực kinh tế.

- Tiếp tục thực hiện công tác ủy nhiệm thu đối với các xã, phường phù hợp với Luật ngân sách đã được bổ sung, sửa đổi.

- Nắm chắc tình hình phát triển kinh tế - xã hội, giá cả thị trường, phân tích những yếu tố ảnh hưởng làm tăng giảm thu đối với từng đơn vị, doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, chống thất thu NSNN, trong đó chú trọng vào các khu vực doanh nghiệp và những đối tượng nộp thuế có quy mô lớn. Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm chính sách thuế.

- Tăng cường sự chỉ đạo của các cấp, các ngành từ Thị tới cơ sở, thực hiện việc quy hoạch chi tiết tạo quỹ đất để đầu tư xây dựng khu đô thị mới và tạo nguồn lực chủ yếu để đầu tư phát triển cơ sở kinh tế - xã hội từ thị đến xã, phường.

- Tăng cường huy động các nguồn lực giành cho đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn vốn Ngân sách Nhà nước, vốn đóng góp của nhân dân từng bước xã hội trong lĩnh vực đầu tư, phát triển.

- Phần vượt thu ngân sách năm 2010 so với dự toán mà Thị xã được hưởng theo quy định, phải sử dụng tối thiểu 50% để thực hiện cải cách tiền lương, số còn lại bổ sung dự phòng ngân sách để phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai và xử lý các nội dung khác theo quy định. Trường hợp số thu không đạt dự toán đã được HĐND quyết định, UBND cùng cấp xây dựng phương án điều chỉnh giảm chi tương ứng, cắt giảm hoặc hoãn, giãn những khoản chi chưa thật sự cấp thiết, báo cáo thường trực HĐND cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Về công tác chi ngân sách:

- Chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí, có hiệu quả. Quản lý chặt chẽ các khoản chi tiêu, mua sắm trang thiết bị, tài sản theo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức mà Nhà nước quy định.

- Ngân sách chi hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chính sách, chế độ mới, các nhiệm vụ chi đột xuất phát sinh trong năm, Phòng TC - KH, Kho bạc NN Thị xã, theo chức năng, nhiệm vụ được giao có kế hoạch tổ chức thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát chi ngân sách, đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, chế độ hiện hành. Đẩy nhanh công tác giải ngân, thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Thị xã.

- Tăng cường công tác giám sát của HĐND, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân đối với các khoản thu, chi ngân sách Nhà nước, kiểm tra giám sát việc thực hiện các công trình xây dựng cơ bản từ nguồn đầu tư của Nhà nước, các khoản huy động, đóng góp của nhân dân, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước.

- Các cơ quan, đơn vị được giao mức phân bổ, đơn vị sự nghiệp có thu phải thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên theo quy định, để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2010 bao gồm: Các đơn vị sự nghiệp có thu sử dụng 40% số thu để lại theo chế độ; thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương).

- Đối với nguồn dự phòng ngân sách, UBND bố trí dự phòng ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và xử lý các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán của địa phương. Định kỳ báo cáo Thường trực HĐND, báo cáo HĐND cùng cấp tại các kỳ họp gần nhất.

UBND Thị xã căn cứ mức phân bổ tại Nghị quyết này, giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Điều 3: Hội đồng nhân dân Thị xã giao:

- Ủy ban nhân dân Thị xã tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này.

- Thường trực HĐND, Các Ban và đại biểu HĐND thị xã giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thị xã khóa XVIII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2009.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Kim Khánh

Phụ lục số 06 - biểu số 04

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2010*(Kèm theo Nghị quyết số: 81/2009/NQ-HĐND ngày 31/12/2009 của HĐND thị xã Phú Thọ)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm 2009	Ước TH năm 2009	Dự toán năm 2010
A	B	1	2	3
A	Thu ngân sách địa phương	145.708.000	143.953.508	158.343.000
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	59.450.000	50.399.393	80.520.000
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	21.050.000	24.100.313	30.383.000
	- Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ phân trăm (%)	38.400.000	26.299.080	50.137.000
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	86.258.000	93.554.115	77.823.000
	- Bổ sung cân đối	47.874.000	47.874.000	53.623.000
	- Bổ sung có mục tiêu	38.384.000	45.680.115	24.200.000
	Trong đó: Vốn XDCB ngoài nước			
B	Chi ngân sách thị xã	145.708.000	152.458.052	153.843.000
1	Chi đầu tư phát triển	88.864.000	85.840.000	82.700.000
2	Chi thường xuyên	55.745.8000	65.519.852	70.152.000
3	Dự phòng	1.098.200	1.098.200	991.000

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ NĂM 2010*(Kèm theo Nghị quyết số: 81/2009/NQ-HĐND ngày 31/12/2009 của HĐND thị xã Phú Thọ)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm 2009	Ước TH năm 2009	Dự toán năm 2010
A	B	1	2	3
A	Ngân sách cấp thị			
I	<u>Nguồn thu ngân sách thị</u>	<u>132.163.150</u>	<u>133.810.173</u>	<u>146.781.100</u>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	45.905.150	40.256.058	68.958.100
	- Các khoản thu NS cấp thị hưởng 100%	14.850.000	15.346.970	26.185.000
	- Các khoản thu phân chia NS cấp thị hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	31.055.150	24.909.088	42.773.100
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	86.258.000	93.554.115	77.823.000
	- Bổ sung cân đối	47.874.000	47.874.000	53.623.000
	- Bổ sung có mục tiêu	38.384.000	45.680.115	24.200.000
II	<u>Chi ngân sách cấp thị</u>	<u>132.163.150</u>	<u>141.948.456</u>	<u>142.281.100</u>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	127.653.133	128.820.071	135.631.497
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường	4.510.017	13.127.785	6.649.603
	- Bổ sung cân đối	4.510.017	4.510.017	6.649.603
	- Bổ sung có mục tiêu		8.617.768	
B	<u>Ngân sách xã, phường</u>			
I	<u>Nguồn thu ngân sách xã, phường</u>	<u>18.054.867</u>	<u>23.217.120</u>	<u>18.211.503</u>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	13.544.850	10.143.335	11.561.900
	- Các khoản thu NS xã hưởng 100%	1.140.000	2.466.159	748.000
	- Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	12.404.850	7.677.176	10.813.900
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp thị	4.510.017	13.127.785	6.649.603
	- Bổ sung cân đối	4.510.017	4.510.017	6.649.603
	- Bổ sung có mục tiêu		8.617.768	
II	<u>Chi ngân sách xã, phường</u>	<u>18.054.867</u>	<u>23.637.381</u>	<u>18.211.503</u>

Phụ lục số 06 - biểu 08

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2010*(Kèm theo Nghị quyết số: 81/2009/NQ-HĐND ngày 31/12/2009 của HĐND thị xã Phú Thọ)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung	Năm 2009		Dự toán năm 2010
		Dự toán	Ước TH	
1	2	3	4	5
	Tổng thu (A + B + C)	63.550.000	73.457.353	87.200.000
A	Thu NSNN (I)	62.050.000	51.132.113	86.000.000
I	Thu NSNN trên địa bàn	62.050.000	51.132.113	86.000.000
1	Thu Ngoài QĐ	12.600.000	13.161.800	26.500.000
a	Từ DN ngoài QĐ	9.000.000	9.331.800	21.750.000
	- Từ DN chi cục thu	4.000.000	4.331.800	6.750.000
	- Thuế VAT của các công trình XD	5.000.000	5.000.000	15.000.000
b	Từ hộ KD cá thể	3.6000.000	3.830.000	4.750.000
	Trong đó: Thuế Môn bài	430.000	468.800	480.000
2	Thuế Tài nguyên (Cục thu)		80.700	
3	Lệ phí trước bạ	2.950.000	3.921.400	4.200.000
	- Nhà đất	200.000	310.000	300.000
	- Phương tiện khác	2.7500.000	3.611.400	3.900.000
4	Thuế nhà đất	1.600.000	1.760.000	1.550.000
5	Thuế SDD nông nghiệp		36.264	
6	Thuế thu nhập cá nhân	800.000	750.000	900.000
7	Thu tiền sử dụng đất	40.000.000	25.700.000	50.000.000
8	Thu tiền thuê đất	800.000	800.000	700.000
9	Thu phí, lệ phí	2.500.000	2.200.000	1.500.000
10	Hoa lợi công sản	300.000	2.301.949	400.000
11	Thu khác ngân sách	500.000	420.000	250.000
B	Thu QL qua NSNN	1.500.000	1.500.000	1.200.000
C	Thu chuyển nguồn NS 2008		20.825.240	
	Tổng thu NSDP (A + B + C)	147.208.000	166.278.748	159.543.000

A	Các khoản thu cân đối NSDP	145.708.000	143.953.508	158.343.000
	- Các khoản thu 100%	21.050.000	24.100.313	30.383.000
	- Thu phân chia theo tỷ lệ %	38.400.000	26.299.080	50.137.000
	- Thu bổ sung từ NS tỉnh	86.258.000	93.554.115	77.823.000
B	Các khoản thu ngân sách qua NSNN	1.500.000	1.500.000	1.200.000
C	Thu chuyển nguồn NS 2008		20.825.240	

Phụ lục 06 - Biểu 11

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2010

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/2009/NQ-HĐND ngày 31/12/2009 của HĐND thị xã Phú Thọ)

Đơn vị: 1.000 đồng

ST T	Nội dung các khoản chi	DT năm 2009	Ước thực hiện năm 2009	DT năm 2010
1	2	3	4	5
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THI XÃ:	147.208.000	165.646.695	155.043.000
	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THI XÃ	145.708.000	152.458.052	153.843.000
A	Chi đầu tư phát triển	88.864.000	85.8400.000	82.700.000
	- Chi trả nợ tỉnh	12.000.000		12.000.000
	- Chi đầu tư	76.864.000	85.840.000	70.700.000
B	Chi thường xuyên	55.745.800	65.519.852	70.152.000
I	Chi sự nghiệp kinh tế	8.593.432	8.942.849	9.966.697
1	Kinh phí của C.ty cổ phần MT đô thị	5.182.132	5.182.132	6.025.597
2	Duy tu bảo dưỡng đường nội thị	300.000	300.000	430.000
3	Chi Ban quản lý chợ Phú Thọ	700.000	731.549	819.000
4	Chi chuẩn bị đầu tư, DA học tập KT đối ngoại	600.000	600.000	950.000
5	Chi sự nghiệp tài nguyên MT	350.000	367.868	300.000
6	Chi phí quy hoạch	300.000	300.000	400.000
7	Chi sự nghiệp nông, lâm, ngư, hỗ trợ làm đường GTNT, phòng chống bão lụt	950.000	950.000	830.000
8	Dự án chè Ô long		300.000	
9	Khuyến nông viên cơ sở, khu	211.300	211.300	212.000
II	Chi sự nghiệp văn xã	32.861.051	36.953.583	41.143.349
1	Chi SN giáo dục (bao gồm tăng cường CSVCGD, hoạt động ngàn	27.373.662	30.607.564	34.612.800

2	Trung tâm chính trị - Đào tạo lại CB	558.426	560.676	500.400
3	Sự nghiệp y tế (Bao gồm kinh phí cho công tác DS KHHGD)	200.000	200.000	340.000
4	Chi SN Văn hóa, TT, TDTT	957.985	963.170	1.033.000
5	Kinh phí hỗ trợ XD nhà Văn hóa khu dân cư	300.000	300.000	300.000
6	Chi hoạt động văn hóa các ngành	300.000	300.000	500.000
7	Chi NS truyền thanh	474.655	481.176	419.500
8	Chi đảm bảo xã hội	2.696.323	3.540.997	3.437.649
III	Chi quản lý hành chính	13.033.317	17.552.107	17.786.954
1	Chi HĐND, UBND	10.079.244	10.862.360	13.215.054
2	Chi kinh phí Đảng	1.996.000	3.594.215	2.651.600
3	Chi hoạt động MTTQ + Hội cựu chiến binh	365.194	942.407	554.000
3.1	<i>Chi hoạt động MTTQ</i>			283.900
3.2	<i>Chi hoạt động Hội CCB</i>			270.100
4	Chi HĐ đoàn thanh niên	186.771	430.129	197.000
5	Chi HĐ hội phụ nữ	128.325	386.517	161.200
6	Chi hoạt động hội nông dân	127.783	285.103	173.100
7	Chi hoạt động thi đua khen thưởng	150.000	150.000	150.000
8	KP thực hiện Nghị quyết 132		901.376	
9	Kinh phí dự phòng cho 02 biên chế của khối Đảng, Đoàn thể			65.000
10	Dự kiến kinh phí Đại hội các cấp			620.000
IV	Chi an ninh, quốc phòng	1.087.000	1.796.316	1.115.000

1	Chi an ninh	636.000	784.999	636.000
2	Chi quốc phòng	451.000	1.011.317	479.000
V	Chi khác	171.000	274.997	140.000
C	Chi dự phòng	1.098.200	1.098.200	991.000
	CHI ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA KBNN	1.500.000	1.500.000	1.200.000
	CHI TAM ỨNG		11.688.643	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ NĂM 2010*(Kèm theo Nghị quyết số: 81/2009/NQ-HĐND ngày 31/12/2009 của HĐND thị xã Phú Thọ)**Đơn vị: 1.000 đồng*

STT	Nội dung các khoản chi	Số tiền
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	<u>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ:</u>	<u>143.481.100</u>
	<u>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</u>	<u>142.281.100</u>
A	Chi đầu tư phát triển	74.000.000
	- Chi trả nợ tỉnh	12.000.000
	- Chi đầu tư	62.000.000
B	Chi thường xuyên	67.290.100
I	Chi sự nghiệp kinh tế	9.766.697
1	Kinh phí của C.ty cổ phần MT đô thị	6.025.597
2	Duy tu bảo dưỡng đường nội thị	430.000
3	Chi Ban quản lý chợ Phú Thọ	819.100
4	Chi chuẩn bị đầu tư, DA học tập KT đối ngoại	950.000
5	Chi sự nghiệp tài nguyên MT	300.000
6	Chi phí quy hoạch	400.000
7	Chi sự nghiệp nông, lâm, ngư, hỗ trợ làm đường GTNT, phòng chống bão lụt	630.000
8	Khuyến nông viên cơ sở, khu	212.000
II	Chi sự nghiệp văn xã	39.820.000
1	Chi SN giáo dục (bao gồm tăng cường CSVCGD, hoạt động ngân	34.612.8000
2	Trung tâm chính trị - Đào tạo lại CB	400.400
3	Chi SN Văn hóa, TT, TDTT	754.000
4	Kinh phí hỗ trợ XD nhà Văn hóa khu dân cư	300.000
5	Chi hoạt động văn hóa các ngành	500.000
6	Sự nghiệp y tế (Bao gồm kinh phí cho công tác DS KHHGD)	340.000
7	Chi SN truyền thanh	319.500
8	Chi đảm bảo xã hội	2.593.300

III	Chi quản lý hành chính	9.948.800
1	Chi HĐND, UBND	5.376.900
2	Chi kinh phí Đảng	2.651.600
3	Chi hoạt động MTTQ + Hội cựu chiến binh	554.000
3.1	<i>Chi hoạt động MTTQ</i>	<i>283.900</i>
3.2	<i>Chi hoạt động Hội CCB</i>	<i>270.100</i>
4	Chi hoạt động hội nông dân	173.100
5	Chi HĐ hội phụ nữ	161.200
6	Chi HĐ đoàn thanh niên	197.000
7	Kinh phí dự phòng cho 02 biên chế của khối Đảng, Đoàn thể	65.000
8	Chi hoạt động thi đua khen thưởng	150.000
9	Dự kiến kinh phí Đại hội các cấp	620.000
IV	Chi an ninh, quốc phòng	965.000
1	Chi an ninh	606.000
2	Chi quốc phòng	359.000
V	Trợ cấp ngân sách cấp dưới	6.649.603
	Trợ cấp cân đối	6.649.603
VI	Chi khác	140.000
C	Chi dự phòng	991.000
	<u>CHI ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA KBNN</u>	1.200.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2010*(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 31/12/2009 của HĐND thị xã Phú Thọ)**Đơn vị: 1.000 đồng*

STT	Nội dung các khoản chi	Tổng số	Trong đó	
			NS cấp thị	NS cấp xã
1	2	3 = 4 + 5	4	5
	<u>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ:</u>	<u>155.043.000</u>	<u>136.831.497</u>	<u>18.211.503</u>
	<u>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ:</u>	<u>153.843.000</u>	<u>135.631.497</u>	<u>18.211.503</u>
A	Chi đầu tư phát triển	82.700.000	74.000.000	8.700.000
	- Chi trả nợ tỉnh	12.000.000	12.000.000	
	- Chi đầu tư	70.700.000	62.000.000	8.700.000
B	Chi thường xuyên	70.152.000	60.640.497	9.511.503
I	Chi sự nghiệp kinh tế	9.966.697	9.766.697	200.000
1	Kinh phí của C.ty cổ phần MT đô thị	6.025.597	6.025.597	
2	Duy tu bảo dưỡng đường nội thị	430.000	430.000	
3	Chi Ban quản lý chợ Phú Thọ	819.100	819.100	
4	Chi chuẩn bị đầu tư, DA học tập KT đối ngoại	950.000	950.000	
5	Chi sự nghiệp tài nguyên MT	300.000	300.000	
6	Chi phí quy hoạch	400.000	400.000	
7	Chi sự nghiệp nông, lâm, ngư, hỗ trợ lâm đường GTNT, phòng chống bão lụt	830.000	630.000	200.000
8	Khuyến nông viên cơ sở, khu	212.000	212.000	
II	Chi sự nghiệp văn xã	41.143.349	39.820.000	1.323.349
1	Chi SN giáo dục (bao gồm tăng cường CSVCGD, hoạt động ngân	34.612.800	34.612.800	
2	Trung tâm chính trị - Đào tạo lại CB	500.400	400.400	100.000
3	Chi SN Văn hóa, TT, TDTT	1.033.000	754.000	279.000

4	Kinh phí hỗ trợ XD nhà Văn hóa khu dân cư	300.000	300.000	
5	Chi hoạt động văn hóa các ngành	500.000	500.000	
6	Sự nghiệp y tế (Bao gồm kinh phí cho công tác DS KHHGD)	340.000	340.000	
7	Chi SN truyền thanh	419.000	319.500	100.000
8	Chi đảm bảo xã hội	3.437.649	2.593.300	844.349
III	Chi quản lý hành chính	17.786.954	9.948.800	7.838.154
1	Chi HĐND, UBND	13.215.054	5.376.900	7.838.154
2	Chi kinh phí Đảng	2.651.600	2.651.600	
3	Chi hoạt động MTTQ + Hội cựu chiến binh	554.000	554.000	
3.1	Chi hoạt động MTTQ	283.900	283.900	
3.2	Chi hoạt động Hội CCB	270.100	270.100	
4	Chi hoạt động hội nông dân	173.100	173.100	
5	Chi HĐ hội phụ nữ	161.200	161.200	
6	Chi HĐ đoàn thanh niên	197.000	197.000	
7	Kinh phí dự phòng cho 02 biện chế của khối Đảng, Đoàn thể	65.000	65.000	
8	Chi hoạt động thi đua khen thưởng	150.000	150.000	
9	Dự kiến kinh phí Đại hội các cấp	620.000	620.000	
IV	Chi an ninh, quốc phòng	1.115.000	965.000	150.000
1	Chi an ninh	636.000	606.000	30.000
2	Chi quốc phòng	479.000	359.000	120.000
V	Chi khác	140.000	140.000	
C	Chi dự phòng	991.000	991.000	
	CHI ĐỂ LẠI QUẢN LÝ KBNN	1.200.000	1.200.000	

Phụ lục số 06 - Biểu số 24

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ NĂM 2009 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2010*(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 31/12/2009 của HĐND thị xã Phú Thọ)**Đơn vị tính: 1.000 đồng*

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2009			Ước thực hiện năm 2009			Dự toán năm 2010			So sánh (%)		
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		DT năm 2010/ước TH năm 2009		
			NS thị	NS xã		NS thị	NS xã		NS thị	NS xã	Tổng số	NS thị	NS xã
A	B	1 = 2 + 3	2	3	4 = 5 + 6	5	6	7 = 8 + 9	8	9	10 = 7/4	11 = 8/5	12 = 9/6
	Tổng số chi ngân sách	147.208.000	129.153.133	18.054.867	165.646.695	141.380.189	24.266.506	155.043.000	136.831.497	18.211.503	93,6	96,8	75,0
I	Chi đầu tư phát triển	88.864.000	78.064.000	10.800.000	85.840.000	72.240.000	13.600.000	82.700.000	74.000.000	8.700.000	96,3	102,4	64,0
II	Chi thường xuyên	55.745.800	48.490.933	7.254.867	65.519.852	55.482.471	10.037.381	70.152.000	60.640.497	9.511.503	107,1	109,3	94,8
	<i>Trong đó:</i>												
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	27.932.088	27.932.088		31.168.240	31.053.770	114.470	35.113.200	35.013.200	100.000	112,7	112,8	87,4
2	Chi khoa học và công nghệ				300.000	300.000							
III	Dự phòng	1.098.200	1.098.200		1.098.200	1.098.200		991.000	991.000		90,2	90,2	

CÔNG BỐ

Số 5 + 6 - 20 - 01 - 2010